



Phụ lục I

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ 1

Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, đoàn thể cơ sở, người dân, doanh nghiệp...

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Hiện trạng

Đội ngũ cán bộ, công chức xã Tây Tiền Hải và viên chức Trạm Y tế đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; sử dụng các phần mềm dùng chung của cơ quan, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các phần mềm chuyên ngành. Tuy nhiên, trình độ kỹ năng số giữa các cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đồng đều. Một số cán bộ còn hạn chế trong việc khai thác hiệu quả các nền tảng số, xử lý dữ liệu, sử dụng các công cụ cộng tác trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công việc và bảo đảm an toàn thông tin trên môi trường mạng. Việc cập nhật, tiếp cận các công nghệ số mới chủ yếu dựa vào tự nghiên cứu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nên hiệu quả ứng dụng trong thực thi công vụ chưa cao. Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số, việc tổ chức lớp tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức phường và viên chức Trạm Y tế là cần thiết nhằm nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số, sử dụng thành thạo các nền tảng số và công cụ AI, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ người dân.

Đối với người dân và doanh nghiệp trên địa bàn, phần lớn đã biết sử dụng điện thoại thông minh, mạng xã hội và các ứng dụng thanh toán trực tuyến, nhưng tỷ lệ người dân chủ động sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp; nhiều người chưa quen thao tác nộp hồ sơ điện tử hoặc khai thác cổng dịch vụ công. Doanh nghiệp trẻ

có kỹ năng số tương đối tốt, song doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh cá thể còn hạn chế trong việc áp dụng phần mềm quản lý, hóa đơn điện tử và bảo mật dữ liệu. Nhìn chung, kỹ năng số giữa các nhóm đối tượng còn chênh lệch, chưa đồng đều, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chuyển đổi số ở cơ sở.

Công tác tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số tại cơ sở còn chưa sâu rộng, thiếu chiều sâu, chưa thu hút sự quan tâm của người dân.

3. Mục tiêu đầu tư

Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số, khai thác dịch vụ công trực tuyến, công cụ số trong công việc và đời sống. Trang bị kiến thức, kỹ năng phòng chống rủi ro an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Hình thành đội ngũ nòng cốt tại cơ sở có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ cộng đồng tham gia chuyển đổi số.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chuyển đổi số, thông qua việc treo băng rôn, pa nô, tờ rơi và sổ tay tuyên truyền chuyển đổi số, nhằm lan tỏa thông điệp, nâng cao nhận thức cộng đồng, thu hút người dân và doanh nghiệp tích cực tham gia.

4. Dự kiến nội dung tập huấn

4.1 Nội dung tập huấn dành cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Nhận thức và chính sách chuyển đổi số (nắm rõ chủ trương, đường lối, chính sách, vai trò và trách nhiệm của CBCCVC trong chuyển đổi số.)
- Kỹ năng số trong công vụ (Thực hành quản lý văn bản, ký số, lưu trữ hồ sơ điện tử.)
- Khai thác nền tảng và dữ liệu số (Sử dụng cổng DVC, khai thác CSDL quốc gia, ứng dụng AI và nền tảng chia sẻ dữ liệu.)
- Kỹ năng truyền thông và hướng dẫn người dân (Hướng dẫn người dân dùng dịch vụ công, tạo nội dung số, phát huy Tổ công nghệ số cộng đồng.)
- An toàn, an ninh mạng (Nhận diện rủi ro, bảo mật tài khoản, dữ liệu, tuân thủ quy định bảo vệ thông tin cá nhân.)
- Sáng tạo và thích ứng trong môi trường số (Ứng dụng AI hỗ trợ công việc, cải tiến quy trình, xây dựng văn hóa số trong cơ quan.)

4.2 Nội dung tập huấn cho người dân

- Nhận thức về chuyển đổi số (nắm rõ lợi ích, vai trò của công dân số và doanh nghiệp số trong phát triển kinh tế – xã hội.)
- Kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến (Đăng ký, nộp hồ sơ, tra cứu kết quả, phản ánh kiến nghị trên Cổng DVC Quốc gia hoặc tỉnh.)
- Kỹ năng định danh và xác thực điện tử (VNeID) (Cài đặt, kích hoạt, sử dụng VNeID để thực hiện dịch vụ công, ký số, xác thực danh tính.)
- Ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh (Bán hàng trực tuyến, quảng bá sản phẩm qua các sàn thương mại điện tử; thanh toán không tiền mặt, hóa đơn điện tử.)
- Kỹ năng truyền thông và tương tác trên môi trường mạng (Sử dụng mạng xã hội an toàn, tạo nội dung quảng bá sản phẩm, phản hồi thông tin chính thống.)

- An toàn và bảo mật thông tin cá nhân (Nhận biết lừa đảo, giả mạo; bảo vệ tài khoản, mật khẩu; ứng xử văn minh, an toàn trên mạng.)

- Nâng cao năng lực thích ứng số (Làm quen công nghệ mới như AI, QR Code, ứng dụng di động phục vụ đời sống và công việc).

5. Dự kiến kinh phí thực hiện.

5.1 Tổ chức tập huấn

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng tham gia	Đơn giá	Thành tiền
I	Lớp tập huấn kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức - Thành phần: Cán bộ, công chức Đảng ủy, HĐND, UBND, UB MTTQ, Trại Y tế.				
1	Chi giải khát giữa buổi	Người/Ngày	110	100.000	11.000.000
2	Tuyên truyền (pano, băng rôn)	Cái	3	1.000.000	3.000.000
3	Giảng viên	Ngày	1	1.000.000	1.000.000
4	Loa đài, âm thanh	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
	Tổng tiền				19.000.000
II	Tập huấn chuyển đổi số cho tổ công nghệ số cộng đồng - Thành phần: Tổ công nghệ số cộng đồng ở thôn				
1	Chi hỗ trợ tiền ăn	Người/Ngày	125	150.000	18.750.000
2	Chi giải khát giữa buổi	Ngày	125	100.000	12.500.000
3	Tuyên truyền (pano, băng rôn)	Cái	5	1.000.000	5.000.000
4	Giảng viên	Ngày	1	1.000.000	1.000.000
5	Loa đài, âm thanh	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
	Tổng tiền				41.250.000
III.	Tập huấn kỹ năng số cơ bản cho người dân - Thành phần: Dự kiến mỗi thôn 15 người dân				
1	Chi hỗ trợ tiền ăn	Người/Ngày	120	150.000	18.000.000
2	Chi giải khát giữa buổi	Ngày	120	100.000	12.000.000
3	Tuyên truyền (pano, băng rôn)	Cái	5	1.000.000	5.000.000
4	Giảng viên	Ngày	1	1.000.000	1.000.000
5	Loa đài, âm thanh	Ngày	1	4.000.000	4.000.000

	Tổng tiền				40.000.000
IV	Nhận thức về chuyển đổi số (nắm rõ lợi ích, vai trò của công dân số và doanh nghiệp số trong phát triển kinh tế – xã hội.) và Kỹ năng định danh và xác thực điện tử (VNeID) (Cài đặt, kích hoạt, sử dụng VNeID để thực hiện dịch vụ công, ký số, xác thực danh tính.) - Thành phần: Dự kiến mỗi thôn 20 người dân				
1	Chi hỗ trợ tiền ăn	Người/Ngày	160	150.000	24.000.000
2	Chi giải khát giữa buổi	Ngày	160	100.000	16.000.000
3	Tuyên truyền (pano, băng rôn)	Cái	5	1.000.000	5.000.000
4	Giảng viên	Ngày	1	1.000.000	1.000.000
5	Loa đài, âm thanh	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
	Tổng tiền				50.000.000
Tổng cộng I + II + III +IV					150.250.000
Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu hai trăm năm trăm nghìn đồng.					

5.2 Tuyên truyền Chuyển đổi số: kinh phí dự kiến 30.000.000 đồng

6. Dự kiến kết quả đạt được

Cán bộ, công chức phường và viên chức Trạm Y tế tham gia tập huấn được trang bị, cập nhật kiến thức và kỹ năng số cơ bản phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Nâng cao năng lực sử dụng các nền tảng số, phần mềm dùng chung, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, chữ ký số và các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành. Nâng cao kỹ năng khai thác, sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ soạn thảo văn bản, tổng hợp báo cáo, tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu và xử lý công việc, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng thực thi công vụ. Nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu trong quá trình sử dụng các hệ thống thông tin và môi trường số. Góp phần chuẩn hóa kỹ năng số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số trên địa bàn xã Tây Tiền Hải. Tạo sự thống nhất trong việc ứng dụng công nghệ số và AI giữa các bộ phận chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức làm việc, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

7. Dự kiến kinh phí thực hiện: 180.250.000đ

Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.



PHỤ LỤC II

THUYẾT MINH SƠ BỘ NHIỆM VỤ THUÊ DỊCH VỤ BÀN LÀM VIỆC SỐ PHỤC VỤ CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Cơ sở đề xuất

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xác định chuyển đổi số là động lực phát triển bền vững, yêu cầu đẩy mạnh chính quyền số, quản trị số, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, trong đó xác định Bàn làm việc số là một thành phần quan trọng của kiến trúc; quán triệt nguyên tắc AI First, lấy người dùng làm trung tâm, dữ liệu nhập một lần – dùng nhiều lần, liên thông toàn quốc; đây là căn cứ trực tiếp, có hiệu lực để triển khai giải pháp Bàn làm việc số cho cấp xã/phường;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành để đảm bảo chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả, thông suốt sau sắp xếp;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Thực trạng và sự cần thiết

Hiện nay, tại xã Tây Tiền Hải trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, đặc biệt sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc hàng ngày của cán bộ, công chức cấp xã còn nhiều hạn chế, bất cập:

- Cán bộ xã phải đăng nhập và thao tác trên nhiều hệ thống rời rạc: quản lý văn bản, một cửa điện tử, các hệ thống chuyên ngành, email công vụ, lịch họp... mỗi hệ thống một tài khoản, một giao diện riêng biệt, gây mất thời gian và dễ bỏ sót nhiệm vụ;

- Sau sắp xếp đơn vị hành chính, khối lượng công việc tại cấp xã tăng đáng kể trong khi nhân lực còn mỏng, dẫn đến tình trạng cán bộ quá tải, khó bảo đảm tiến độ xử lý hồ sơ, công việc;

- Nhiệm vụ, văn bản, hồ sơ công việc nằm phân tán ở nhiều nơi khác nhau, không có công cụ tổng hợp tập trung khiến lãnh đạo và cán bộ khó theo dõi việc đang ở đâu, ai đang xử lý, có quá hạn hay không;

- Công tác tổng hợp báo cáo, số liệu phục vụ báo cáo cấp trên còn thực hiện thủ công, lấy dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, tốn nhiều thời gian và tiềm ẩn nguy cơ sai sót, thiếu đồng bộ;

- Thiếu công cụ hỗ trợ thông minh để tóm tắt văn bản đến, tra cứu quy định pháp luật, soạn thảo văn bản nhanh chóng; công việc còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của từng cán bộ.

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, việc thuê dịch vụ Bàn làm việc số (Digital Workplace) cho cấp xã/phường là hết sức cần thiết, nhằm tạo ra một công làm việc số hợp nhất, giúp cán bộ xã đăng nhập một lần, xử lý mọi công việc trên một giao diện duy nhất, nâng cao hiệu quả, hiệu suất công tác và phù hợp với định hướng Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

3. Sự phù hợp của hình thức thuê dịch vụ

Hình thức thuê dịch vụ hàng năm (thay vì đầu tư xây dựng mới) được lựa chọn vì các lý do sau:

- Tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu.
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ liên tục: Đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật; địa phương chỉ tập trung khai thác sử dụng;
- Phù hợp với định hướng chống lãng phí trong đầu tư công: Ưu tiên thuê dịch vụ nền tảng dùng chung thay vì đầu tư xây dựng riêng lẻ, tốn kém và kéo dài thời gian;
- Đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin: Hạ tầng cung cấp dịch vụ đảm bảo các biện pháp an toàn thông tin phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Mục tiêu tổng quát

Thuê dịch vụ và triển khai Hệ thống Bàn làm việc số (Digital Workplace) phục vụ chính quyền cấp xã/phường, là công làm việc số hợp nhất cho cán bộ, công chức, giúp đăng

nhập một lần (SSO) để truy cập mọi hệ thống; tổng hợp công việc – văn bản – hồ sơ – lịch – email – thông báo vào một giao diện thống nhất; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ xử lý công việc, nâng cao hiệu quả, hiệu suất và tính minh bạch trong chỉ đạo, điều hành tại cấp xã.

2. Mục tiêu cụ thể

- Triển khai công làm việc số hợp nhất (SSO) cho cán bộ xã/phường, tích hợp với các hệ thống đang sử dụng tại xã: quản lý văn bản, một cửa/thủ tục hành chính, hệ thống chuyên ngành, email công vụ;

- Tổ chức công việc theo bảng Kanban trực quan (tiếp nhận – đang xử lý – chờ phê duyệt – hoàn thành), giúp cán bộ và lãnh đạo theo dõi tiến độ công việc theo thời gian thực;

- Trang bị trợ lý AI hỗ trợ tóm tắt văn bản đến, tra cứu quy định, gợi ý xử lý và cảnh báo việc trễ hạn;

- Đảm bảo 100% cán bộ, công chức cấp xã trong phạm vi triển khai được cấp tài khoản và sử dụng Bàn làm việc số từ Quý II/2027;

- Giảm tối thiểu 60% thao tác đăng nhập, chuyển đổi giữa các hệ thống; giảm thiểu rủi ro bỏ sót, trễ hạn xử lý hồ sơ, nhiệm vụ;

- Nâng cao tính minh bạch, công khai tiến độ giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp;

- Đảm bảo hạ tầng cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin theo quy định.

3. Phạm vi triển khai

Triển khai Hệ thống Bàn làm việc số tại xã theo lộ trình; ưu tiên triển khai thí điểm tại các Văn phòng HĐND, UBND; Trung tâm PVHCC có nhu cầu cấp thiết, khối lượng công việc lớn sau sắp xếp đơn vị hành chính, sau đó mở rộng theo kết quả đánh giá hiệu quả.

Phạm vi chức năng: Bao gồm toàn bộ dịch vụ Bàn làm việc số (công làm việc SSO, bảng Kanban công việc, tích hợp các hệ thống chuyên ngành, trợ lý AI) và hạ tầng cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin theo quy định.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ

1. Nội dung dịch vụ thuê hàng năm

Gói dịch vụ thuê hàng năm bao gồm toàn bộ các thành phần sau:

a) Dịch vụ Bàn làm việc số (Digital Workplace):

- Cổng làm việc số hợp nhất, đăng nhập một lần (SSO): Cán bộ xã chỉ cần đăng nhập một lần để truy cập toàn bộ các hệ thống công vụ đang sử dụng, không phải nhớ và đăng nhập nhiều tài khoản khác nhau;

- Tổng hợp công việc – văn bản – hồ sơ – lịch – email – thông báo: Toàn bộ dữ liệu từ các hệ thống của xã (quản lý văn bản, một cửa/TTHC, hệ thống chuyên ngành, email công vụ) được tổng hợp thành các "thẻ công việc" trên một giao diện duy nhất;

- Bảng Kanban quản lý công việc trực quan: Tổ chức công việc theo các trạng thái tiếp nhận – đang xử lý – chờ phê duyệt – hoàn thành; cán bộ theo dõi, kéo-thả, xử lý công việc ngay trên hệ thống;

- Trợ lý AI hỗ trợ công vụ: Tóm tắt nội dung văn bản đến, gợi ý phương án xử lý, tra cứu quy định pháp luật liên quan, cảnh báo các đầu việc sắp/đã quá hạn;

- Phân quyền và giám sát theo cấp bậc: Lãnh đạo xã có thể theo dõi tiến độ công việc của toàn bộ cán bộ trong đơn vị theo thời gian thực, hỗ trợ chỉ đạo, giám sát nhanh và chính xác;

- Ứng dụng di động theo mô hình Micro App: Hỗ trợ cán bộ truy cập, xử lý công việc mọi lúc, mọi nơi trên thiết bị di động;

- Tích hợp dữ liệu thời gian thực (real-time) qua cơ chế đồng bộ dữ liệu (CDC) với các hệ thống chuyên ngành hiện có của xã, đảm bảo dữ liệu nhập một lần – dùng nhiều lần;

- Khả năng mở rộng: Bổ sung thêm các mini app theo nhu cầu phát sinh của địa phương trong quá trình sử dụng.

b) Hạ tầng cung cấp dịch vụ đáp ứng an toàn thông tin:

- Hạ tầng điện toán đám mây, đảm bảo tính sẵn sàng cao, vận hành ổn định và khả năng mở rộng linh hoạt theo số lượng người dùng;

- Hệ thống sao lưu dữ liệu định kỳ, có phương án phục hồi sau sự cố; lưu trữ dữ liệu theo quy định về lưu trữ hành chính nhà nước;

- Giám sát, vận hành liên tục 24/7; hỗ trợ kỹ thuật theo tiêu chuẩn cam kết chất lượng dịch vụ (SLA);

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành: xác thực đa lớp, mã hóa dữ liệu truyền tải và lưu trữ, tường lửa, kiểm soát truy cập theo vai trò người dùng;

- Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của cán bộ, công chức và người dân theo pháp luật hiện hành.

c) Dịch vụ hỗ trợ kèm theo:

- Khảo sát hạ tầng, đường truyền, thiết bị và nhân lực CNTT tại các xã/phường triển khai; xác định phương án tích hợp với hệ thống hiện có;
- Cấp tài khoản SSO, phân quyền cho cán bộ; cài đặt, cấu hình và tích hợp hệ thống đang sử dụng tại xã;
- Đào tạo, hướng dẫn cán bộ xã sử dụng Bàn làm việc số và trợ lý AI; biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt;
- Đồng hành, hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ trong suốt quá trình sử dụng; cập nhật, nâng cấp tính năng định kỳ, bổ sung mini app theo nhu cầu;
- Báo cáo định kỳ hiệu quả sử dụng hệ thống theo tháng/quý/năm.

2. Giải pháp kỹ thuật và công nghệ

- Nền tảng làm việc số được xây dựng theo kiến trúc Micro App, dễ dàng mở rộng, tích hợp thêm các phân hệ/ứng dụng mới theo nhu cầu phát sinh;
- Cơ chế đồng bộ dữ liệu thời gian thực (CDC – Change Data Capture) giữa Bàn làm việc số và các hệ thống chuyên ngành hiện có của xã, đảm bảo nguyên tắc dữ liệu nhập một lần – dùng nhiều lần;
- Cơ chế đăng nhập một lần (Single Sign-On – SSO) áp dụng chuẩn xác thực bảo mật, giảm thiểu rủi ro lộ lọt thông tin tài khoản;
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ tóm tắt văn bản, tra cứu, gợi ý xử lý công việc, tuân thủ nguyên tắc AI First theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;
- Hỗ trợ truy cập đa thiết bị: máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng; ứng dụng di động Micro App hỗ trợ cán bộ làm việc mọi lúc, mọi nơi.

3. Yêu cầu về an toàn thông tin

Hạ tầng cung cấp dịch vụ Bàn làm việc số được xây dựng, vận hành bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể:

- Xác thực đa lớp cho cán bộ, công chức sử dụng hệ thống; phân quyền chi tiết theo vai trò (lãnh đạo xã, cán bộ chuyên môn, cán bộ một cửa);
- Mã hóa toàn bộ dữ liệu truyền tải và lưu trữ giữa Bàn làm việc số và các hệ thống tích hợp; không lưu thông tin nhạy cảm dưới dạng văn bản thuần;
- Hệ thống tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS); nhật ký truy cập được lưu trữ và giám sát liên tục;

- Sao lưu dữ liệu tự động định kỳ; kiểm tra khả năng phục hồi sau sự cố định kỳ, đảm bảo tính liên tục của dịch vụ;

- Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của cán bộ và người dân theo pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch và phương án vận hành

Phương án triển khai theo 3 giai đoạn:

Giai đoạn	Thời gian	Nội dung chính
Giai đoạn 1 Chuẩn bị	2 tuần	Hoàn thiện thủ tục pháp lý, phê duyệt phạm vi triển khai cho xã; khảo sát hạ tầng, đường truyền, thiết bị và nhân lực CNTT tại xã; ký kết, cấp tài khoản SSO và phân quyền cho cán bộ xã
Giai đoạn 2 Triển khai chính thức	6 tuần	Cài đặt, cấu hình hệ thống; tích hợp các hệ thống đang dùng tại xã (văn bản, một cửa, chuyên ngành, email); đào tạo cán bộ xã sử dụng Bàn làm việc số và trợ lý AI; vận hành thử nghiệm (pilot) tại một số đầu việc tiêu biểu
Giai đoạn 3 Vận hành & mở rộng	6 tuần trở đi	Nghiệm thu, chính thức đưa vào sử dụng; hỗ trợ kỹ thuật, nâng cấp định kỳ, bổ sung mini app theo nhu cầu; đề xuất mở rộng sang các cơ bộ phận khác

Điều kiện phía đơn vị triển khai (xã) cần chuẩn bị: hạ tầng mạng/đường truyền ổn định, thiết bị làm việc cho cán bộ; tài khoản định danh (SSO) và dữ liệu các hệ thống cần tích hợp; bố trí nhân sự đầu mối phối hợp triển khai và đào tạo.

5. Hiệu quả dự kiến mang lại

a) Đối với chính quyền xã:

- Tiết kiệm nguồn lực, giảm thao tác và thủ tục hành chính nhờ một điểm truy cập duy nhất cho mọi hệ thống công vụ;

- Tăng hiệu quả quản lý, minh bạch, công khai; theo dõi tiến độ công việc theo thời gian thực trên toàn đơn vị;

- Hỗ trợ chỉ đạo, giám sát nhanh, chính xác; giảm nguy cơ bỏ sót, trễ hạn nhiệm vụ, đặc biệt trong bối cảnh khối lượng công việc tăng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

b) Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

- Giám thao tác đăng nhập, chuyển đổi giữa nhiều hệ thống; tiết kiệm thời gian xử lý công việc hàng ngày;

- Được trợ lý AI hỗ trợ tóm tắt văn bản, tra cứu quy định, gợi ý xử lý, giảm phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân;

- Theo dõi công việc trực quan trên bảng Kanban, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên xử lý.

c) Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Hồ sơ, thủ tục được tiếp nhận và xử lý nhanh hơn, không phải đi lại nhiều lần;

- Minh bạch tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, tăng niềm tin vào chính quyền cơ sở.

d) Đối với mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh:

- Phù hợp với định hướng Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số của Bộ Khoa học và Công nghệ (Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN);

- Góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030 theo Quyết định số 719/QĐ-UBND, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ

1. Nguồn kinh phí

Ngân sách nhà nước; bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo hình thức thuê dịch vụ.

2. Tổng mức kinh phí thuê dịch vụ

Hạng mục dịch vụ	Đơn giá/tháng (đồng)	Thành tiền/năm (đồng)
Dịch vụ Bàn làm việc số (Digital Workplace): công làm việc SSO, bảng Kanban, tích hợp hệ thống chuyên ngành, trợ lý AI, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, cập nhật	25.000.000	300.000.000
Hạ tầng cung cấp dịch vụ đáp ứng an toàn thông tin (Cloud, sao lưu, giám sát 24/7, bảo mật, vận hành liên tục)	15.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	40.000.000	480.000.000

(Bảng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn/năm)

Lưu ý: Toàn bộ kinh phí là chi phí thuê dịch vụ hàng năm (dịch vụ phần mềm + hạ tầng + vận hành + hỗ trợ). Không phát sinh chi phí đầu tư mua sắm phần cứng hoặc xây dựng phần mềm từ đầu.

3. Phân kỳ bố trí kinh phí

- Năm 2027 và các năm tiếp theo: Bố trí dự toán chi thường xuyên hàng năm: 480.000.000 đồng/năm để triển khai và duy trì dịch vụ.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc thuê dịch vụ Bàn làm việc số (Digital Workplace) cho cấp xã/phường là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách, phù hợp với chủ trương chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước, đáp ứng định hướng Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã trong bối cảnh khối lượng công việc tăng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Hình thức thuê dịch vụ hàng năm là lựa chọn tối ưu: tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu, đảm bảo chất lượng dịch vụ liên tục, tận dụng nền tảng đã được kiểm chứng thực tế qua dự án quy mô lớn, đồng thời đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

Kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ thuê dịch vụ Bàn làm việc số với tổng kinh phí hàng năm là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng/năm) để triển khai theo lộ trình đã đề xuất.



PHỤ LỤC III

THUYẾT MINH SƠ BỘ NHIỆM VỤ
Tên nhiệm vụ/Dự án: Hệ thống Camera AI

1. SỰ CẦN THIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1.1 Cơ sở đề xuất

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xác định chuyển đổi số là động lực phát triển bền vững, yêu cầu đẩy mạnh chính quyền số, quản trị số, nâng cao hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-BTTTT ban hành Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận mức độ chuyển đổi số cấp huyện và cấp xã, có hiệu lực từ ngày 31/12/2024, được áp dụng để đánh giá, công nhận mức độ chuyển đổi số cấp xã từ năm 2025; yêu cầu địa phương có hệ thống phục vụ điều hành, quản lý công việc, tiếp nhận phản ánh hiện trường, số hóa dữ liệu và hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ KH&CN về việc Khung kiến trúc số quốc gia cập nhật. Văn bản hướng dẫn 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026 Hướng dẫn triển khai mô hình Chuyển đổi số cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành để đảm bảo chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả sau sắp xếp;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.2 Thực trạng và sự cần thiết

Hiện nay xã đang quản lý nhiều tuyến đường, với các điểm ngã ba, ngã tư thường xuyên tụ tập đông người, giao thông đi lại phức tạp. Công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông và quản lý nhà nước trên địa bàn xã vẫn chủ yếu dựa vào lực lượng công an, cán bộ địa phương và hoạt động tuần tra trực tiếp. Hệ thống camera giám sát tại các tuyến đường, khu dân cư, trụ sở cơ quan, trường học và các khu vực công cộng còn thiếu, phân tán hoặc chưa được đầu tư đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu giám sát liên tục 24/7. Một số khu vực trọng điểm, nút giao thông, chợ, nơi tập trung đông người và các tuyến đường liên xã, liên thôn chưa được lắp đặt camera hoặc chỉ sử dụng các thiết bị giám sát thông thường, chất lượng hình ảnh chưa cao, không có khả năng phân tích dữ liệu thông minh.

Bên cạnh đó, quá trình khai thác hình ảnh phục vụ công tác quản lý, điều tra, xử lý vi phạm còn mất nhiều thời gian do chưa có hệ thống lưu trữ và phân tích tập trung. Việc phát hiện các hành vi vi phạm về an ninh trật tự, giao thông, phòng chống cháy nổ hoặc các tình

huống bất thường vẫn phụ thuộc nhiều vào con người, chưa tận dụng được các công nghệ (AI) để cảnh báo sớm và hỗ trợ ra quyết định.

Trong bối cảnh thực hiện chủ trương chuyển đổi số quốc gia, xây dựng chính quyền số, xã hội số và mô hình đô thị, nông thôn thông minh, việc đầu tư hệ thống camera AI là yêu cầu cần thiết nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao năng lực giám sát, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hỗ trợ điều hành, xử lý các tình huống phát sinh kịp thời và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

2. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

2.1.1 Mục tiêu tổng quát

Đầu tư xây dựng hệ thống camera AI đồng bộ, hiện đại trên địa bàn xã nhằm:

- Tăng cường năng lực giám sát, bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.
- Hỗ trợ giám sát, điều tiết giao thông, góp phần giảm thiểu tai nạn và ùn tắc tại các khu vực trọng điểm.
- Ứng dụng công nghệ (AI) để tự động phát hiện, cảnh báo sớm các sự kiện bất thường, nâng cao hiệu quả quản lý và xử lý tình huống.
- Xây dựng trung tâm giám sát tập trung, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã và các lực lượng chức năng.
- Tạo nền tảng dữ liệu phục vụ công tác quản lý đô thị, quản lý dân cư, phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác.
- Thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương, từng bước xây dựng mô hình xã thông minh theo định hướng của Chính phủ và của tỉnh.

2.1.2 Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng hệ thống giám sát an ninh đồng bộ tại các tuyến đường chính, khu dân cư, trụ sở cơ quan, trường học, chợ, các nút giao thông và các khu vực trọng điểm trên địa bàn xã.
- Ứng dụng công nghệ (AI) để tự động nhận diện, phân tích và cảnh báo các sự kiện bất thường như:
 - Phát hiện xâm nhập trái phép tại khu vực được giám sát.
 - Phát hiện tụ tập đông người, các hành vi bất thường.
 - Nhận diện biển số xe phục vụ công tác quản lý phương tiện.
 - Cảnh báo các đối tượng hoặc phương tiện theo danh sách theo dõi.
- Nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ lực lượng Công an xã và các cơ quan chức năng trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, đồng thời cung cấp dữ liệu phục vụ xác minh, điều tra khi cần thiết.
- Hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của UBND xã/Phường thông qua việc giám sát tập trung, theo dõi tình hình tại các khu vực công cộng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý các tình huống phát sinh.
- Xây dựng hệ thống lưu trữ và quản lý dữ liệu tập trung, bảo đảm việc khai thác hình ảnh, video nhanh chóng, an toàn và đáp ứng các quy định về bảo mật, an toàn thông tin.
- Từng bước hình thành nền tảng hạ tầng số phục vụ xây dựng xã thông minh, tạo điều kiện tích hợp với các hệ thống khác như trung tâm điều hành thông minh (IOC), hệ thống

chiếu sáng thông minh, cảnh báo thiên tai, giám sát môi trường và các ứng dụng chuyển đổi số của địa phương.

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, văn minh, giảm các hành vi vi phạm về an ninh trật tự, trật tự công cộng và an toàn giao thông.

2.1.3. Phạm vi triển khai

- Trụ sở UBND xã và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.
- Các tuyến đường trục xã, trục thôn, các nút giao thông quan trọng.
- Cổng và khuôn viên trường học, trạm y tế, nhà văn hóa.
- Chợ, khu dân cư tập trung, khu vực công cộng và các địa điểm thường xuyên diễn ra các hoạt động đông người.

2.1.4 Hiệu quả dự kiến mang lại

Đối với công tác Quản lý nhà nước

- Nâng cao năng lực giám sát, điều hành của UBND xã thông qua hệ thống giám sát tập trung, cung cấp thông tin, hình ảnh theo thời gian thực.
- Hỗ trợ lãnh đạo địa phương kịp thời nắm bắt tình hình, chỉ đạo xử lý các vụ việc phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý trên địa bàn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu hình ảnh phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và lưu trữ theo quy định.

Công tác đảm bảo an ninh trật tự

- Tăng cường khả năng phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.
- Hỗ trợ lực lượng Công an xã trong công tác tuần tra, kiểm soát, xác minh, điều tra các vụ việc thông qua dữ liệu hình ảnh được lưu trữ.
- Góp phần giảm các hành vi trộm cắp, phá hoại tài sản, gây rối trật tự công cộng và các hành vi vi phạm khác.

Về an toàn giao thông

- Giám sát các tuyến đường, nút giao thông trọng điểm, hỗ trợ phát hiện các tình huống mất an toàn giao thông.
- Cung cấp dữ liệu phục vụ xử lý các vụ tai nạn, va chạm và các hành vi vi phạm giao thông theo quy định.
- Góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông.

Hiệu quả về chuyển đổi số

- Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động quản lý, từng bước hiện đại hóa hạ tầng số của địa phương.
- Tạo nền tảng để tích hợp với các hệ thống điều hành thông minh (IOC), cơ sở dữ liệu dùng chung và các nền tảng chuyển đổi số khác trong tương lai.
- Góp phần thực hiện các mục tiêu về xây dựng chính quyền số, xã hội số và địa phương thông minh.

Hiệu quả lâu dài

- Hình thành hệ thống giám sát hiện đại có khả năng mở rộng, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương trong nhiều năm.
- Tạo tiền đề để triển khai các ứng dụng AI khác như nhận diện biển số xe, phát hiện cháy, giám sát môi trường, quản lý đô thị thông minh và các dịch vụ số phục vụ người dân.

3. Tổ chức thực hiện

- Phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai, công tác đấu thầu và các thủ tục triển khai theo đúng chủ trương và pháp luật.

- Giao công an xã/Phường phối hợp khảo sát và xây dựng các điểm cần lắp đặt hệ thống camera AI. Công An xã/phường là đơn vị trực tiếp quản lý và khai thác hệ thống Camera AI trên địa bàn xã/Phường.

4. DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ

1. Nguồn kinh phí

Ngân sách nhà nước; bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm.

2. Tổng mức kinh phí thuê dịch vụ

2.1 Hệ thống Camera AI

2.1.1 Khái toán tổng mức đầu tư đối với hệ thống gồm 20 điểm lắp đặt với 80 camera AI.

STT	Hạng mục	DVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Camera AI IP 4MP (AI nhận diện người, phương tiện)	Bộ	80	11.500.000	920.000.000
2	Giá treo, hộp bảo vệ, phụ kiện lắp đặt	Bộ	80	2.500.000	200.000.000
3	Switch PoE Gigabit 8 Port	Bộ	20	5.000.000	100.000.000
4	Switch Core 24 Port Gigabit	Bộ	1	15.000.000	15.000.000
5	Firewall bảo mật	Bộ	1	60.000.000	60.000.000
6	Module SFP + Converter quang	Gói	1	35.000.000	35.000.000
7	Máy chủ quản lý Camera AI	Bộ	1	150.000.000	150.000.000
8	Thiết bị lưu trữ NAS	Bộ	1	80.000.000	80.000.000
9	Ổ cứng Surveillance 10TB	Cái	8	14.500.000	116.000.000
10	Máy tính vận hành	Bộ	2	25.000.000	50.000.000
11	Màn hình LED 80 inch	Bộ	4	35.000.000	140.000.000
12	Tủ Rack 20U	Bộ	1	8.000.000	8.000.000
13	UPS Online 5KVA	Bộ	1	35.000.000	35.000.000
14	Phần mềm VMS quản lý camera	Gói	1	80.000.000	80.000.000
15	Phần mềm AI phân tích hình ảnh	Gói	1	280.000.000	280.000.000
16	Cáp mạng Cat6 ngoài trời	Mét	8.000	18.500	148.000.000
17	Cáp quang 4FO	Mét	10.000	18.000	180.000.000
18	ODF, dây nhảy quang, phụ kiện	Gói	1	45.000.000	45.000.000
19	Ống HDPE/PVC, hộp kỹ thuật	Gói	1	70.000.000	70.000.000

STT	Hạng mục	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
20	Tủ điện, CB, dây điện, chống sét, tiếp địa	Gói	1	240.000.000	240.000.000
21	Cột thép mạ kẽm 6–8 m	Cột	20	8.500.000	170.000.000
22	Móng cột, bulông neo	Bộ	20	4.500.000	90.000.000
23	Thi công lắp đặt, cấu hình, kiểm thử	Gói	1	280.000.000	280.000.000
24	Đào tạo, chuyển giao, bảo hành	Gói	1	120.000.000	120.000.000
25	Chi phí quản lý dự án	Gói	1	200.000.000	200.000.000
Tổng cộng					3.812.000.000

2.1.2 Phân kỳ bố trí kinh phí

- Năm 2027: Đầu tư **3.812.000.000 VNĐ**, trong đó gồm:
 - + Chi phí đầu tư trang thiết bị: **3.612.000.00 VNĐ**
 - + Chi phí Quản lý dự án: **200.000.000 VNĐ**
- Các năm tiếp theo sử dụng vốn chi thường xuyên, dự kiến **200.000.000VNĐ /năm** để vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc đầu tư Hệ thống Camera AI trên địa bàn xã/phường là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển hạ tầng số và xây dựng nông thôn mới nâng cao. Hai hệ thống không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông và nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, mà còn tạo nền tảng để ứng dụng các công nghệ thông minh trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền địa phương.

Kiến nghị:

- Cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án Hệ thống Camera AI, làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.
- Bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện dự án, bảo đảm phù hợp.
- Các cơ quan chuyên môn hướng dẫn UBND xã/phường trong quá trình lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, lựa chọn nhà thầu và tổ chức triển khai dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu và quản lý tài sản công.
- Trong quá trình triển khai, ưu tiên lựa chọn các giải pháp công nghệ tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm khả năng mở rộng, tích hợp với các nền tảng số dùng chung của tỉnh và Trung ương, đồng thời đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin và an ninh mạng.
- Sau khi hoàn thành đầu tư, giao UBND xã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy chế quản lý, khai thác, vận hành, bảo trì hệ thống; tổ chức đào tạo cán bộ, bảo đảm khai thác hiệu quả, đúng mục đích và phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.



PHỤ LỤC IV

THUYẾT MINH SƠ BỘ NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ/Dự án: Thuê dịch vụ vận hành Hệ thống quản lý đất đai tại xã Tây Tiền Hải

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Cơ sở đề xuất

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xác định chuyển đổi số là động lực phát triển bền vững, yêu cầu đẩy mạnh chính quyền số, quản trị số, nâng cao hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-BTTTT ban hành Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận mức độ chuyển đổi số cấp huyện và cấp xã, có hiệu lực từ ngày 31/12/2024, được áp dụng để đánh giá, công nhận mức độ chuyển đổi số cấp xã từ năm 2025; yêu cầu địa phương có hệ thống phục vụ điều hành, quản lý công việc, tiếp nhận phản ánh hiện trường, số hóa dữ liệu và hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ KH&CN về việc Khung kiến trúc số quốc gia cập nhật. Văn bản hướng dẫn 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026 Hướng dẫn triển khai mô hình Chuyển đổi số cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành để đảm bảo chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả sau sắp xếp;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Thực trạng và sự cần thiết

Từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức vận hành. UBND xã Tây Tiền Hải được giao gần như toàn bộ thẩm quyền quản lý đất đai trước đây của cấp huyện (khoảng 45 nhiệm vụ mới), trong khi công cụ, phần mềm hỗ trợ chuyên ngành gần như chưa có. Những thách thức đặt ra:

Về số liệu:

- Nguồn dữ liệu đất đai phân tán, nhiều thời kỳ
- Hồ sơ chủ yếu là tài liệu giấy
- Thiếu sự kết nối với cơ sở dữ liệu
- Chưa liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác

Về nghiệp vụ:

- Nhiều nhiệm vụ quản lý đất đai cấp xã chưa có công cụ quản lý
- Thiếu các công cụ hỗ trợ báo cáo thống kê

Về quản lý điều hành:

- Lãnh đạo xã, phường khó nắm bắt tổng thể, hiện trạng công tác quản lý đất đai tại địa bàn
- Thiếu dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành, hỗ trợ ra quyết định

3. Sự phù hợp của hình thức thuê dịch vụ

Hình thức thuê dịch vụ hàng năm (thay vì đầu tư xây dựng mới) được lựa chọn vì các lý do sau:

- Tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu: Không phát sinh chi phí nghiên cứu, phát triển hệ thống;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ liên tục: Đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống; địa phương chỉ tập trung vào khai thác và sử dụng;
- Phù hợp với định hướng chống lãng phí: Ưu tiên thuê dịch vụ dùng chung thay vì đầu tư riêng lẻ; hạ tầng được dùng chung, tối ưu chi phí ngân sách;
- Đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin: Hạ tầng thuê dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thông tin cấp độ 2 theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN***1. Mục tiêu tổng quát***

Hệ thống Quản lý đất đai nhằm xây dựng và duy trì một nền tảng số thống nhất phục vụ công tác quản lý nhà nước về quy hoạch trên địa bàn; thực hiện số hóa, quản lý tập trung, cập nhật và khai thác hiệu quả dữ liệu quy hoạch; nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; đồng thời công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, tra cứu và khai thác thông tin nhanh chóng, chính xác.

2. Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm hệ thống **Quản lý đất đai** được vận hành ổn định, liên tục, an toàn và thông suốt trong suốt thời gian thuê dịch vụ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về quy hoạch.
- Quản lý tập trung, số hóa và cập nhật đầy đủ dữ liệu quy hoạch trên nền tảng bản đồ số (GIS), bảo đảm tính chính xác, đồng bộ và thống nhất trong quá trình khai thác, sử dụng.
- Cung cấp công cụ tra cứu thông tin quy hoạch trực tuyến cho cán bộ, người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi trong tiếp cận thông tin quy hoạch theo quy định.
- Hỗ trợ cơ quan quản lý trong việc theo dõi, cập nhật, quản lý các đồ án quy hoạch, khu vực quy hoạch, chỉ tiêu quy hoạch và các thông tin liên quan, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và điều hành.

- Duy trì việc sao lưu, bảo đảm an toàn dữ liệu, giám sát, bảo trì và xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật, bảo đảm tính sẵn sàng và khả năng hoạt động liên tục của hệ thống.

- Thực hiện cập nhật, nâng cấp phần mềm theo các quy định của pháp luật, yêu cầu chuyên môn và nhu cầu thực tế của địa phương; bổ sung các chức năng mới nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hệ thống.

- Hỗ trợ kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh và Trung ương theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành, phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Tổ chức hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn và giải đáp vướng mắc cho cán bộ sử dụng trong quá trình khai thác hệ thống; nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm thời gian xử lý công việc.

- Nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp thông qua việc cung cấp thông tin quy hoạch nhanh chóng, chính xác, giảm thời gian thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch, góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính và mức độ hài lòng của người dân.

Góp phần thực hiện các mục tiêu về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển đô thị thông minh, nông thôn thông minh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch.

3. Phạm vi triển khai

- Triển khai Hệ thống quản lý đất đai trên toàn địa bàn xã

- Phạm vi chức năng: Giải pháp gồm 03 phân hệ nghiệp vụ cốt lõi:

- Cổng thông tin đất đai cấp xã: Tra cứu và công khai thông tin đất đai trên bản đồ số; quản lý các lớp bản đồ địa chính, quy hoạch, giải phóng mặt bằng và hiện trạng sử dụng đất.

- Đền bù, giải phóng mặt bằng: Lập, quản lý và theo dõi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quản lý đơn giá, dự án, chủ hộ và tiến độ chi trả trên cùng một hệ thống.

- Quản lý đất công ích: Quản lý tập trung quỹ đất công ích; theo dõi hợp đồng thuê, thời hạn, nghĩa vụ tài chính; hỗ trợ đấu giá và cảnh báo hợp đồng sắp hết hạn.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ

1. Nội dung dịch vụ thuê hàng năm

Gói dịch vụ thuê hàng năm bao gồm toàn bộ các thành phần sau:

a) Phần mềm Hệ thống quản lý đất đai:



Nhóm tính năng xem thông tin dữ liệu:

- Đối tượng sử dụng: Lãnh đạo, cán bộ chuyên viên
- Mô tả chức năng: Xem các lớp dữ liệu Quy hoạch, Hạ tầng kỹ thuật trên bản đồ
- Thao tác chính: Nhấn vào checkbox bật/tắt lớp dữ liệu, phóng to thu nhỏ bản đồ để xem vị trí lớp dữ liệu, trượt thanh slider để điều chỉnh độ mờ của lớp dữ liệu trên bản đồ

Nhóm tính năng xem thông tin dữ liệu:

- Đối tượng sử dụng: Lãnh đạo, cán bộ chuyên viên
- Mô tả chức năng: Xem thông tin chi tiết đối tượng của lớp dữ liệu trên bản đồ, thông tin Cơ cấu sử dụng đất tại Quy hoạch đó
- Thao tác chính: Nhấn vào vị trí của 1 đối tượng của lớp quy hoạch hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bản đồ, hệ thống sẽ trả về thông tin đối tượng tại vị trí đó

Nhóm tính năng tìm đường đi:

- Đối tượng sử dụng: Lãnh đạo, cán bộ chuyên viên
- Mô tả chức năng: Tìm đường đi từ vị trí đang xem thông tin quy hoạch đến 1 vị trí trên bản đồ (thông qua tìm kiếm hoặc chọn trên bản đồ)
- Thao tác chính: Nhấn chọn nút “Tìm đường” ở danh sách nút chức năng bên phải, sau đó tìm hoặc chọn điểm đến, hệ thống sẽ tìm đường đi từ vị trí đang xem quy hoạch đến điểm đã chọn.

Nhóm tính năng tìm tiện ích xung quanh:

- Đối tượng sử dụng: Lãnh đạo, cán bộ chuyên viên
- Mô tả chức năng: Tìm kiếm các công trình công cộng, tiện ích trong phạm vi bán kính từ vị trí quy hoạch đang chọn xem trên bản đồ
- Thao tác chính: Nhấn chọn nút “Tìm kiếm xung quanh” ở danh sách nút chức năng bên phải, sau đó chọn bán kính và chọn loại công trình (vd: trung tâm y tế, ...), hệ thống sẽ trả về danh sách công trình trong phạm vi bán kính đã chọn

Nhóm tính năng xem thông tin mô phỏng công trình:

- Đối tượng sử dụng: Lãnh đạo, cán bộ chuyên viên
- Mô tả chức năng: Xem mô phỏng công trình 3D, công trình BIM trên nền quy hoạch
- Thao tác chính: Nhấn chọn nút “Xem công trình 3D” ở danh sách nút chức năng bên phải, hệ thống hiển thị các mô hình công trình 3D trên nền quy hoạch, chọn vào công trình có thể xem thông tin

Nhóm chức năng quản lý chia sẻ, đồng bộ dữ liệu:

- Đối tượng sử dụng: chuyên viên quản trị dữ liệu
- Mô tả chức năng: Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa trung ương và địa phương
- Thao tác chính: Cán bộ quản trị đăng nhập, vào phân hệ “Quản trị, tích hợp chia sẻ”, cấu hình trường dữ liệu có thể chia sẻ, đồng bộ và API chia sẻ, đồng bộ dữ liệu

Nhóm chức năng quản lý người dùng, phân quyền:

- Đối tượng sử dụng: chuyên viên quản trị hệ thống

- Mô tả chức năng: Phân quyền
- Thao tác chính: Cán bộ quản trị hệ thống đăng nhập, vào phân hệ “Quản lý người dùng / Phân quyền”, cấu hình cho phép các nhóm người dùng có thể được xem và thao tác các nhóm tính năng, menu nào.

b) Dịch vụ hỗ trợ kèm theo:

- Khảo sát, khởi tạo hệ thống, import dữ liệu ban đầu cho các xã trong phạm vi triển khai;
- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho cán bộ xã và ban quản lý cấp cơ sở; biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt;
- Đồng hành, hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ trong suốt quá trình sử dụng; cập nhật, nâng cấp tính năng theo định kỳ;
- Báo cáo định kỳ hiệu quả sử dụng hệ thống theo tháng/quý/năm.

2. Giải pháp kỹ thuật và công nghệ

- Nền tảng web-based, vận hành trên hạ tầng cloud; hỗ trợ truy cập đa thiết bị (PC, điện thoại thông minh, máy tính bảng) không cần cài đặt thêm phần mềm cho người dùng cuối;
- Kiến trúc hệ thống mô-đun hóa, dễ mở rộng và tích hợp; API chuẩn mở hỗ trợ kết nối với các hệ thống của tỉnh;
- Hỗ trợ chế độ vận hành với băng thông thấp, phù hợp với điều kiện hạ tầng mạng tại cơ sở;

3. Yêu cầu về an toàn thông tin

Hệ thống thông tin được xây dựng, vận hành bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ 2 quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT. Cụ thể:

- Xác thực đa lớp cho cán bộ quản trị và người dùng; phân quyền chi tiết theo vai trò (lãnh đạo xã, cán bộ chuyên môn, trưởng cấp cơ sở, người dân);
- Mã hóa toàn bộ dữ liệu truyền tải và lưu trữ; không lưu thông tin nhạy cảm dưới dạng văn bản thuần;
- Hệ thống tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS); nhật ký truy cập được lưu trữ và giám sát;
- Sao lưu dữ liệu tự động định kỳ; kiểm tra khả năng phục hồi sau sự cố định kỳ;
- Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân người dân theo pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch và phương án vận hành

Sau khi nghiệm thu, bàn giao dịch vụ, UBND xã giao cho phòng Kinh tế trực tiếp quản lý và vận hành hệ thống; phân công cán bộ chuyên trách phụ trách công nghệ thông tin; thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ để được hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố trong suốt thời gian sử dụng.

5. Hiệu quả dự kiến mang lại

a) Đối với lãnh đạo xã (phụ trách lĩnh vực đất đai):

- Quản lý, tra cứu, giám sát bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất
- Phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng

- Quản lý các thửa đất công ích, quản lý các hợp đồng thuê đất công ích

b) Đối với cán bộ phòng Kinh tế, lãnh đạo phòng Kinh tế (phụ trách lĩnh vực đất đai của xã)

- Cập nhật bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất
- Công bố thông tin bản đồ quy hoạch sử dụng đất của xã
- Quản lý dự án giải phóng mặt bằng, quản lý chủ sở hữu, cập nhật danh mục, các quyết định ban hành giá bồi thường giải phóng mặt bằng, lập phương án đền bù GPMB, lập báo cáo thống kê.
- Quản lý đất công ích, quản lý các hợp đồng thuê đất công ích

c) Đối với người dân, doanh nghiệp:

Truy cập vào hệ thống để khai thác, tra cứu các thông tin về quy hoạch, thông tin địa chính, khai thác bản đồ quy hoạch sử dụng đất

d) Đối với mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh:

Đáp ứng các tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cấp xã của Bộ Thông tin và Truyền thông (Quyết định số 2361/QĐ-BTTTT); Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 (Khung kiến trúc số quốc gia cập nhật); Hướng dẫn triển khai mô hình Chuyển đổi số cấp xã (Văn bản hướng dẫn 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026)

Góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030 theo Quyết định số 719/QĐ-UBND.

Tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác (nếu có yêu cầu)

IV. DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ

1. Nguồn kinh phí

Ngân sách nhà nước; bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo hình thức thuê dịch vụ.

2. Tổng mức kinh phí thuê dịch vụ

Hạng mục dịch vụ	Đơn giá/tháng (đồng)	Thành tiền/năm (đồng)
Phân hệ công thông tin đất đai	4.000.000	48.000.000
Phân hệ giải phóng mặt bằng	5.000.000	60.000.000
Phân hệ quản lý đất công ích	5.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG	14.000.000	168.000.000

(Bảng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn/năm)

Lưu ý: Toàn bộ kinh phí là chi phí thuê dịch vụ hàng năm (phần mềm + hạ tầng + vận hành + hỗ trợ). Không phát sinh chi phí đầu tư mua sắm phần cứng hoặc xây dựng phần mềm từ đầu.

3. Phân kỳ bố trí kinh phí

Năm 2027 và các năm tiếp theo: Bố trí dự toán chi thường xuyên hàng năm: 168.000.000 đồng/năm để duy trì và mở rộng dịch vụ.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc thuê dịch vụ Hệ thống quản lý đất đai là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách, phù hợp với chủ trương chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của Bộ Khoa học & Công nghệ về bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã, đồng thời phù hợp với định hướng xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp.

Hình thức thuê dịch vụ hàng năm là lựa chọn tối ưu: tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu, đảm bảo chất lượng dịch vụ liên tục, tận dụng sản phẩm đã được kiểm chứng thực tế, đồng thời đảm bảo an toàn thông tin theo tiêu chuẩn quy định.



PHỤ LỤC V

THUYẾT MINH SƠ BỘ NHIỆM VỤ

**Tên nhiệm vụ/Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa di tích
tại xã Tây Tiên Hải**

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Cơ sở đề xuất

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xác định chuyển đổi số là động lực phát triển bền vững, yêu cầu đẩy mạnh chính quyền số, quản trị số, nâng cao hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-BTTTT ban hành Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận mức độ chuyển đổi số cấp huyện và cấp xã, có hiệu lực từ ngày 31/12/2024, được áp dụng để đánh giá, công nhận mức độ chuyển đổi số cấp xã từ năm 2025; yêu cầu địa phương có hệ thống phục vụ điều hành, quản lý công việc, tiếp nhận phản ánh hiện trường, số hóa dữ liệu và hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ KH&CN về việc Khung kiến trúc số quốc gia cập nhật. Văn bản hướng dẫn 2763/BKHCN-CDSQG ngày 29/4/2026 Hướng dẫn triển khai mô hình Chuyển đổi số cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành để đảm bảo chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả sau sắp xếp;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Thực trạng và sự cần thiết

Thực trạng di tích lịch sử văn hóa hiện nay tại xã Tây Tiên Hải đang đối mặt với nhiều thách thức. Nhiều nơi được bảo tồn và phát huy tốt giá trị. Tuy nhiên, phần lớn đang bị xuống cấp nghiêm trọng, bị xâm hại do con người và quá trình đô thị hóa, hoặc khai thác du lịch chưa hiệu quả, cụ thể:

Di tích lịch sử bị xuống cấp theo thời gian: Do thời tiết khắc nghiệt và thiếu kinh phí tu bổ thường xuyên, nhiều công trình cổ bị hư hỏng nặng.

Di tích lịch sử bị biến dạng do tu bổ sai cách: tự ý sửa chữa, làm mới di tích bằng vật liệu hiện đại. Việc này làm mất đi vẻ đẹp và giá trị gốc.

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa di tích tại xã Tây Tiền Hải là hết sức cần thiết, phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia về lĩnh vực Văn hóa - Xã Hội.

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa di tích nhằm mục tiêu lưu trữ thông tin, hình ảnh và hiện vật trên không gian mạng. Mục tiêu chính là bảo tồn di sản lâu dài, tạo sự sống mới cho lịch sử và thúc đẩy du lịch thông minh tại xã Tây Tiền Hải.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa – thông tin, phù hợp với chương trình chuyển đổi số quốc gia và kế hoạch chuyển đổi số của địa phương.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa toàn diện về hệ thống di tích lịch sử – văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã, đảm bảo lưu trữ, quản lý, khai thác, cập nhật và chia sẻ thông tin một cách khoa học, chính xác.

- Thiết lập bản đồ số (GIS) tích hợp dữ liệu di tích, giúp trực quan hóa vị trí, hiện trạng, thông tin chi tiết của từng di tích, phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa địa phương.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hóa, đồng thời hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, phát triển du lịch văn hóa, góp phần thúc đẩy kinh tế – xã hội tại địa phương.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử tập trung, có khả năng lưu trữ, tìm kiếm, phân loại, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh.

- **Góp phần số hóa di sản văn hóa địa phương**, lưu giữ thông tin khoa học và hình ảnh giá trị của các di tích, tránh thất lạc, mai một dữ liệu.

- **Phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử – văn hóa**, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn di sản.

- **Thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa – tâm linh – cộng đồng**, tạo điểm nhấn trong bản đồ du lịch thông minh cấp cơ sở, thu hút khách tham quan và đầu tư.

3. Phạm vi triển khai

- Triển khai số hóa 100% các di tích lịch sử trên địa bàn xã Tây Tiền Hải.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ

1. Các hạng mục công việc:

+ Xây dựng số hóa cơ sở dữ liệu 3D, 360 các di tích.
+ Thiết kế phát triển website
+ Vận hành, hạ tầng thuê máy chủ Cloud hàng năm, đảm bảo chạy dịch vụ, lưu trữ dữ liệu.

2. Giải pháp kỹ thuật và công nghệ

Công nghệ Thực tế tăng cường (AR)/Thực tế ảo (VR) được ứng dụng trong việc nâng cao trải nghiệm khách tham quan. Việc ứng dụng công nghệ AR/VR (số hóa dữ

liệu 3D, webview360, ...) giúp chuyển đổi toàn bộ các đối tượng trong môi trường thực tế thành các đối tượng số và quản lý trên môi trường số.

3. Yêu cầu về an toàn thông tin

Hệ thống thông tin được xây dựng, vận hành bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ 2 quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT. Cụ thể:

- Xác thực đa lớp cho cán bộ quản trị và người dùng; phân quyền chi tiết theo vai trò (lãnh đạo xã, cán bộ chuyên môn, trưởng cấp cơ sở, người dân);
- Mã hóa toàn bộ dữ liệu truyền tải và lưu trữ; không lưu thông tin nhạy cảm dưới dạng văn bản thuần;
- Hệ thống tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS); nhật ký truy cập được lưu trữ và giám sát;
- Sao lưu dữ liệu tự động định kỳ; kiểm tra khả năng phục hồi sau sự cố định kỳ;
- Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân người dân theo pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch và phương án vận hành

Sau khi nghiệm thu, bàn giao dịch vụ, UBND xã giao cho phòng Văn hóa Xã hội trực tiếp quản lý và vận hành hệ thống; phân công cán bộ chuyên trách phụ trách công nghệ thông tin; thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ để được hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố trong suốt thời gian sử dụng.

5. Hiệu quả dự kiến mang lại

Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa di tích của xã Tây Tiền Hải mang lại nhiều hiệu quả thiết thực trên cả phương diện quản lý nhà nước, kinh tế, xã hội và chuyển đổi số, cụ thể như sau:

a. Hiệu quả về quản lý, điều hành:

Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và bảo tồn di tích: Việc số hóa dữ liệu và thiết lập số hóa di tích giúp cơ quan quản lý dễ dàng nắm bắt thông tin, tình trạng bảo tồn, vị trí và giá trị của từng di tích trên địa bàn.

Tăng tính chính xác và minh bạch trong quản lý: Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung loại bỏ tình trạng hồ sơ giấy phân tán, dữ liệu trùng lặp hoặc thiếu cập nhật; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm kê, thống kê và báo cáo định kỳ.

Hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu (Data-driven): Cung cấp thông tin trực quan, khoa học cho việc quy hoạch, tu bổ, phục hồi hoặc đầu tư phát huy giá trị di tích, giúp lãnh đạo địa phương ra quyết định nhanh và chính xác hơn.

b. Hiệu quả về mặt văn hóa – xã hội:

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Thông qua số hóa, các thông tin, hình ảnh, câu chuyện lịch sử của di tích được lưu trữ bền vững, tránh mai một, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương.

Nâng cao nhận thức cộng đồng: Người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, có thể dễ dàng tiếp cận thông tin về di tích, qua đó hiểu rõ hơn về lịch sử – văn hóa quê hương, tăng cường ý thức bảo tồn di sản.

Tạo sự gắn kết giữa chính quyền và người dân: Việc công khai thông tin di

tích giúp người dân tham gia giám sát, phát hiện vi phạm, chung tay bảo vệ và phát huy giá trị các di tích.

c. Hiệu quả về kinh tế – du lịch:

Thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa – tâm linh: Số hóa di tích trở thành công cụ quảng bá, giới thiệu di sản đến du khách trong và ngoài địa phương; góp phần hình thành tuyến, điểm du lịch đặc trưng.

Tăng nguồn thu và việc làm gián tiếp: Khi hoạt động du lịch gắn với di tích phát triển, sẽ kéo theo dịch vụ lưu trú, ăn uống, hướng dẫn viên, sản phẩm lưu niệm... góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Thu hút đầu tư và hỗ trợ lập quy hoạch du lịch thông minh: Dữ liệu di tích tích hợp với hệ thống công du lịch của tỉnh giúp nhà đầu tư, doanh nghiệp và cơ quan quản lý dễ dàng tra cứu, đánh giá tiềm năng phát triển du lịch tại khu vực.

d. Hiệu quả về mặt công nghệ và chuyển đổi số:

Tạo lập nền tảng dữ liệu số đồng bộ và mở rộng: Cơ sở dữ liệu di tích là một phần quan trọng trong hệ sinh thái dữ liệu số của địa phương.

Góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, phù hợp với định hướng phát triển chính quyền số của địa phương.

Lưu giữ di sản cho thế hệ tương lai: Mọi thông tin, hình ảnh, giá trị của di tích được bảo tồn lâu dài trong không gian số, đảm bảo tính bền vững, liên tục của công tác bảo tồn văn hóa.

Tạo dấu ấn cho địa phương trong chuyển đổi số, góp phần xây dựng hình ảnh một xã hội hiện đại, năng động, giàu bản sắc văn hóa và thân thiện với người dân, du khách.

Việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa di tích của xã Tây Tiền Hải không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế - du lịch rõ rệt, mà còn nâng cao năng lực quản lý, điều hành, đồng thời tạo bước đột phá trong tiến trình xây dựng chính quyền số, xã hội số tại địa phương.

e) Đối với mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh:

- Đáp ứng các tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cấp xã của Bộ Thông tin và Truyền thông (Quyết định số 2361/QĐ-BTTTT); Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 (Khung kiến trúc số quốc gia cập nhật); Hướng dẫn triển khai mô hình Chuyển đổi số cấp xã (Văn bản hướng dẫn 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026)

- Góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030 theo Quyết định số 719/QĐ-UBND.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ

1. Nguồn kinh phí

Ngân sách nhà nước; bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo hình thức thuê dịch vụ.

2. Tổng mức kinh phí cho 1 điểm số hóa di tích.

Hạng mục dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá (vnd, đã VAT)	Số lượng	Thành tiền (vnd, đã VAT)
Xây dựng cơ sở dữ liệu và Số hóa cơ sở dữ liệu: - Khảo sát tại cơ sở và xây dựng kịch bản, khối lượng thực hiện. - Nhân sự thu thập thông tin dạng text. - Nhân sự chụp ảnh 360 và quét 3D mặt đất. - Nhân sự điều khiển flycam chuyên dụng thu thập thông tin, dữ liệu hình ảnh. - Nhân sự phối cảnh, hậu cần, sắp đặt, bài trí không gian. - Kỹ thuật viên ánh sáng. - Nhân sự phân loại và xử lý thông tin text. - Nhân sự biên tập nội dung tiếng Việt, tiếng Anh. - Nhân sự thuyết minh tiếng Việt, tiếng Anh. - Nhân sự phân loại ảnh thô HDR, xử lý hậu kỳ hình ảnh, ghép ảnh panorama, lập trình thực tế ảo 360, Nhân sự kiểm soát chất lượng. - Máy móc thiết bị phục vụ xử lý dữ liệu số hóa.	Gói (Thu 1 lần)	110.000.000	1	110.000.000
Thiết kế phát triển website (Webview 360): - Dựng kịch bản, tạo tuor thẩn quan Điểm du lịch/thăng cảnh (câu chuyện, nội dung dẫn dắt, ...). - Lập trình Menu control vr360: xoay, phóng to, thu nhỏ, con lăn hồi chuyển trên điện	Gói (Thu 1 lần)	275.000.000	1	275.000.000

Hạng mục dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá (vnd, đã VAT)	Số lượng	Thành tiền (vnd, đã VAT)
thoại, tắt/mở âm thanh, chế độ VR, bật tắt hiệu ứng xoay,... - Menu truy cập nhanh đến các vị trí (view). - Nút điều hướng đến các vị trí hợp lý (dẫn đường) - Gán nhãn thông tin của các điểm di tích và/hoặc các điểm cảnh trong Di tích từ dữ liệu chụp ảnh - Gán nhãn thông tin theo yc của CĐT với dữ liệu có sẵn trước đó: tư liệu Ảnh 2D/clip/text (có sẵn) - Tích hợp MC ảo (giới thiệu = giọng voice)				
Chi phí vận hành, hạ tầng: - Vận hành khai thác hệ thống phần mềm, xử lý kỹ thuật. - Chỉnh sửa, cài đặt, nâng cấp phần mềm. Bổ sung, cập nhật các content/chức năng và thực hiện các yêu cầu phát sinh (không làm thay đổi luồng nghiệp vụ ban đầu). - Chi phí tài nguyên đảm bảo chạy dịch vụ, lưu trữ.	Gói/tháng	9.350.000	12	112.200.000
TỔNG CỘNG (năm thứ 1)				497.200.000
TỔNG (từ năm thứ 2)				112.200.000

3. Phân kỳ bố trí kinh phí

- Năm 2027: Đầu tư **497.200.000 VNĐ** chi phí thuê dịch vụ
- Các năm tiếp theo sử dụng vốn chi thường xuyên **112.200.000 VNĐ** để duy trì dịch vụ.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc thuê dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa di tích là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách, phù hợp với chủ trương chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của Bộ Khoa học & Công nghệ về bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã.

Hình thức thuê dịch vụ hàng năm là lựa chọn tối ưu: tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu, đảm bảo chất lượng dịch vụ liên tục, tận dụng sản phẩm đã được kiểm chứng thực tế, đồng thời đảm bảo an toàn thông tin theo tiêu chuẩn quy định.



Chương VI

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

Xây dựng video hướng dẫn, số hóa quy trình và hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứ Công văn số 3810/UBND-KGVX ngày 23/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027.

2. Hiện trạng

Thực hiện cải cách hành chính và chuyển đổi số, xã đã tích cực triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân tự thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến vẫn chưa cao, đặc biệt đối với người cao tuổi, người ít tiếp cận công nghệ thông tin và người dân ở khu vực nông thôn.

Nguyên nhân chủ yếu là người dân chưa nắm rõ quy trình thực hiện, còn lúng túng khi sử dụng Cổng Dịch vụ công, tài khoản định danh điện tử, chữ ký số, thanh toán trực tuyến và các tiện ích số khác. Hiện nay chưa có hệ thống video hướng dẫn trực quan, dễ hiểu để người dân có thể tự học, tự thực hiện hoặc tra cứu khi cần thiết.

Do đó, việc xây dựng các video hướng dẫn, số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính và tổ chức hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến là hết sức cần thiết, góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, giảm thời gian đi lại của người dân và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính.

3. Mục tiêu thực hiện

Xây dựng hệ thống video hướng dẫn trực quan đối với các thủ tục hành chính phổ biến thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

Chuẩn hóa và số hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính để người dân dễ dàng tra cứu và thực hiện.

Hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng hiệu quả Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và các nền tảng số liên quan.

Nâng cao tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, giảm hồ sơ nộp trực tiếp.

Góp phần thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số.

4. Dự kiến nội dung thực hiện

Khảo sát, lựa chọn các thủ tục hành chính có tần suất phát sinh cao để xây dựng video hướng dẫn.

Chuẩn hóa nội dung quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo các quy định hiện hành.

Xây dựng kịch bản, thiết kế đồ họa và sản xuất video hướng dẫn với nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Xây dựng các video hướng dẫn sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, thanh toán trực tuyến, ký số và các tiện ích số khác.

Tích hợp mã QR để người dân dễ dàng truy cập video hướng dẫn tại Bộ phận Một cửa, nhà văn hóa và trên Cổng thông tin điện tử của xã.

Công khai video trên các nền tảng số của địa phương (Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin chuyển đổi số, mạng xã hội chính thống...) để người dân thuận tiện tra cứu.

Hỗ trợ người dân thực hành nộp hồ sơ trực tuyến tại Bộ phận Một cửa và thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.

Đánh giá hiệu quả triển khai, cập nhật, chỉnh sửa nội dung video khi có thay đổi về quy trình hoặc quy định của pháp luật.

5. Thiết kế chi tiết

STT	Nội dung công việc	Diễn giải	Kinh phí (đồng)
1	Khảo sát, xây dựng danh mục thủ tục hành chính	Khảo sát nhu cầu, lựa chọn các TTHC có tần suất phát sinh cao, xây dựng kịch bản hướng dẫn	5.000.000
2	Chuẩn hóa, số hóa quy trình thủ tục hành chính	Chuẩn hóa quy trình, thiết kế sơ đồ (flowchart), infographic, biểu mẫu điện tử	10.000.000
3	Xây dựng video hướng dẫn	Viết kịch bản, quay màn hình thao tác, ghi hình, thu âm, dựng khoảng 20–25 video hướng dẫn	20.000.000

4	Thiết kế bộ mã QR và tài liệu hướng dẫn	Thiết kế mã QR cho từng thủ tục, tài liệu hướng dẫn điện tử và tài liệu phục vụ niêm yết	5.000.000
5	Đăng tải, tích hợp trên các nền tảng số	Đăng tải lên Cổng thông tin điện tử, Zalo OA, Fanpage, Youtube; tích hợp mã QR	3.000.000
6	Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân	Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận Một cửa và thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng	7.000.000
7	Kiểm thử, nghiệm thu, hoàn thiện sản phẩm	Kiểm tra nội dung, chỉnh sửa, nghiệm thu và bàn giao sản phẩm	3.000.000
8	Quản lý nhiệm vụ	Quản lý, điều phối, giám sát quá trình triển khai	3.000.000
9	Chi phí dự phòng	Dự phòng phát sinh trong quá trình thực hiện (khoảng 10%)	5.000.000
	TỔNG CỘNG		61.000.000

6. Dự kiến kết quả đạt được

Hoàn thành bộ video hướng dẫn đối với các thủ tục hành chính phổ biến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

Chuẩn hóa và số hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện để người dân dễ dàng tra cứu và thực hiện.

100% video được công khai trên Cổng thông tin điện tử và các nền tảng số của địa phương, đồng thời tích hợp mã QR tại Bộ phận Một cửa và các điểm phục vụ người dân.

Người dân được hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến nhanh chóng, thuận tiện, giảm thời gian và chi phí đi lại.

Góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ được nộp trực tuyến, tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với việc giải quyết thủ tục hành chính.

Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và phát triển xã hội số trên địa bàn xã.

7. Dự kiến kinh phí thực hiện: 61.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi một triệu đồng.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh sơ bộ nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2027 và xây dựng Kế hoạch, dự toán ngân sách Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 của Ủy ban nhân dân xã Tây Tiền Hải./.

